

LỰA CHỌN HÌNH THỨC PHÁP LÝ CHO QUỸ TÍN THÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Lê Thị Thu Hà¹

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Quang Huy

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Lương Thị Đài Trang

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Đỗ Thanh Tuyết

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Lưu Thị Hạnh

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Hữu Thịnh

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 10/08/2020; **Ngày hoàn thành phản biện:** 09/09/2020; **Ngày duyệt đăng:** 25/03/2021

Tóm tắt: Quỹ tín thác trường đại học (ĐH) là các khoản quyên tặng được tích lũy để tài trợ cho các hoạt động của trường ĐH. Thực tế chứng minh quỹ tín thác có đóng góp to lớn trên nhiều khía cạnh đến sự phát triển của các trường ĐH lớn trên thế giới. Tuy nhiên, hiện tại Việt Nam chưa có quy định cụ thể và trực tiếp đối với quỹ tín thác trường ĐH. Do đó, nghiên cứu này phân tích bản chất của quỹ tín thác trường ĐH đặt trong bối cảnh pháp luật hiện hành của Việt Nam để tìm ra cơ sở pháp lý tối ưu cho sự thành lập và phát triển của quỹ này. Phương pháp nghiên cứu tại bàn và phỏng vấn chuyên gia cho thấy quỹ tín thác trường ĐH có thể được thành lập dưới dạng quỹ xã hội, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo hoặc doanh nghiệp xã hội (DNXH), trong đó DNXH là hình thức tối ưu.

Từ khóa: Quỹ tín thác, Giáo dục đại học

APPROPRIATE LEGAL FORMS FOR UNIVERSITY ENDOWMENT FUNDS IN VIETNAM

Abstract: University endowment funds are donations reserved by universities to support their own activities. Evidently, university endowment funds have

¹ Tác giả liên hệ, Email: ha.le@ftu.edu.vn

made remarkable and multi-dimensional contributions to the development of big universities worldwide. However, there are currently no legal documents, which are specialized in endowment funds. Therefore, the substance of university endowment funds placed in the context of Vietnamese legal system is examined to suggest the optimal legal structure for them. By desk research and through interviews, it is revealed that an endowment fund can possibly be established in the form of a social fund, entrepreneurship and innovation fund, or a social enterprise, and a social enterprise offers the optimal legal structure.

Keywords: Endowment fund, Higher education

1. Giới thiệu chung

Quỹ tín thác hay quỹ quyên tặng là các khoản quyên tặng được các tổ chức tích lũy để hỗ trợ, tài trợ cho các hoạt động của chính tổ chức đó (Hansmann, 1990). Quỹ tín thác đã tồn tại từ thời La Mã cổ đại ở thế kỷ II (Newman, 2005). Sự hình thành và phát triển của quỹ tín thác trường ĐH được đặt nền móng từ những cá nhân có nhận thức cao về tầm quan trọng của giáo dục. Theo thời gian, mặc dù mỗi quốc gia có cách thức thành lập khác nhau nhưng hầu hết các quỹ tín thác trường ĐH đều xuất phát từ sự trao tặng của một cá nhân với mong muốn hỗ trợ sự phát triển của giáo dục (Newman, 2005).

Các trường ĐH lớn trên thế giới, đặc biệt là các trường trong khối Ivy League như Harvard, Yale hay Stanford là những trường ĐH thành công nhất trong áp dụng mô hình quỹ tín thác trường ĐH. Các trường này đã dẫn đầu trong lĩnh vực đầu tư đa tài sản trong hơn hai thập kỷ với giá trị lên đến hàng chục tỷ USD (Yeager & cộng sự, 2001). Nguồn lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư của các quỹ tín thác đang dần trở thành nguồn tài chính trọng yếu cho sự vận hành của các trường ĐH (Moore, 2017).

Tại Việt Nam, quỹ tín thác là một mô hình tương đối mới và chưa có nhiều khung lý thuyết liên quan. Mô hình quỹ tín thác được nhắc đến đầu tiên trong lĩnh vực đầu tư bất động sản. Lê (2008) đề xuất quỹ tín thác như một giải pháp cho bài toán vốn trong thị trường bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vấn đề nổi cộm được tác giả nêu ra là các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản luôn cần nguồn vốn lớn và dài hạn trong khi các nhà đầu tư riêng lẻ chưa có đủ khả năng tài chính để đáp ứng. Lúc này, quỹ tín thác có chức năng như một công cụ huy động vốn rộng rãi trong công chúng, kết nối các nhà đầu tư với thị trường bất động sản. Lê (2010) tiếp tục nghiên cứu áp dụng mô hình trên tại thị trường Hà Nội.

Trong lĩnh vực giáo dục, lý luận về quỹ tín thác được đề cập một cách hạn chế trong các chương trình giảng dạy và nghiên cứu. Phạm (2014) đã giới thiệu những thông tin tổng quan về quỹ tín thác, trong đó có đề cập đến kinh nghiệm vận hành của trường ĐH Hong Kong. Tiếp theo đó, Nhóm đối thoại giáo dục (2015) đã phân tích những phương hướng cải cách mấu chốt đối với giáo dục ĐH Việt Nam. Với

mỗi mục cải cách, các tác giả đều phân tích hiện trạng, đưa ra khuyến nghị và lộ trình phù hợp. Trong mục cải cách tài chính, các tác giả có nhắc đến thuật ngữ quỹ tín thác (endowment fund) trong một khuyến nghị như sau: “Tiền hỗ trợ của chính phủ hằng năm nếu không được sử dụng hết có thể được chuyển vào endowment fund chứ không phải trả về ngân sách”. Nhận thấy vai trò của quỹ tín thác đối với sự phát triển của các trường ĐH, đặc biệt là các trường ĐH tư thục và công lập theo định hướng tự chủ, Lê & cộng sự (2020) đã nghiên cứu mô hình quỹ tín thác tại các trường ĐH Hoa Kỳ và đề xuất mô hình ứng dụng tại Việt Nam. Nghiên cứu đã trình bày rõ mô hình, cách vận hành, gây quỹ, quản lý quỹ của các trường ĐH Hoa Kỳ. Trên cơ sở đó, các tác giả đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn và đề xuất một số giải pháp cụ thể cho các trường ĐH ở Việt Nam trong quá trình xây dựng và vận hành quỹ tín thác trường ĐH. Tuy nhiên, nghiên cứu này chưa đề cập đến khía cạnh pháp lý của quỹ tín thác trường ĐH. Đây là vấn đề phức tạp, bởi vì tại Việt Nam, hiện nay chưa có quy định chính thức nào về thành lập và vận hành quỹ tín thác.

Do đó, để tiếp nối những nghiên cứu về quỹ tín thác trường ĐH, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu *Lựa chọn hình thức pháp lý phù hợp cho quỹ tín thác trường đại học ở Việt Nam*. Mục tiêu là xem xét bản chất của quỹ tín thác trường ĐH đặt trong bối cảnh pháp luật hiện hành của Việt Nam để tìm ra cơ sở pháp lý tối ưu cho sự thành lập và phát triển của quỹ này, trả lời câu hỏi quỹ tín thác trường ĐH có thể được thành lập dưới hình thức pháp lý nào theo pháp luật Việt Nam và đâu là hình thức tối ưu.

Bài viết có kết cấu gồm 5 phần chính. Các tác giả mở đầu với *Giới thiệu chung* nhằm cung cấp các thông tin tổng quan về mô hình quỹ tín thác trường ĐH, tình hình ứng dụng quỹ tín thác trường ĐH tại một số trường ĐH lớn trên thế giới và tình hình nghiên cứu về quỹ tín thác trường ĐH ở Việt Nam. Tiếp theo, các tác giả cung cấp *Cơ sở lý thuyết* về quỹ tín thác trường ĐH, tập trung vào khái niệm và vai trò của quỹ đối với các nhóm đối tượng chính. Trong phần *Phương pháp nghiên cứu*, các tác giả trình bày cụ thể các phương pháp được áp dụng trong nghiên cứu này, bao gồm nghiên cứu tại bàn và phỏng vấn chuyên gia. Các kết quả nghiên cứu được trình bày trong phần *Kết quả nghiên cứu*. Cuối cùng, tổng kết các kết quả chính, đóng góp của nghiên cứu và đưa ra gợi ý về hướng nghiên cứu tiếp theo trong phần *Kết luận*.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1 Khái niệm quỹ tín thác trường đại học

Quỹ tín thác hay quỹ quyên tặng là các khoản tích lũy do các tổ chức quyên tặng để hỗ trợ, tài trợ cho các hoạt động của chính tổ chức đó (Hansmann, 1990). Quỹ tín thác được sử dụng phổ biến trong các tổ chức phi lợi nhuận như bệnh viện, bảo tàng, trường học, thư viện, trường cao đẳng và ĐH (Drezner, 2011). Các khoản quyên tặng này được đem đi đầu tư (cả phần tiền gốc và phần tiền lãi tích lũy) và trích một phần lãi từ hoạt động đầu tư, thường là 4 - 6% nhằm hỗ trợ chi phí vận hành của tổ chức “để tạo ra nguồn thu nhập dài hạn hỗ trợ và duy trì hoạt động của

một tổ chức” (Staff, 2004). Thực chất, quỹ tín thác chính là một “túi tiền lớn” được sử dụng để đầu tư nhằm tạo ra các nguồn tài chính hỗ trợ liên tục cho hoạt động của tổ chức hoặc cho các chương trình cụ thể.

Trong khuôn khổ giáo dục bậc cao, quỹ tín thác là tài sản của các nhà đầu tư, nhà tài trợ được các trường ĐH, cao đẳng tập hợp lại và đưa vào đầu tư để hỗ trợ sứ mệnh giáo dục lâu dài (American Council on Education, 2014). Quỹ tín thác của một tổ chức có thể bao gồm hàng trăm hoặc hàng ngàn khoản tài trợ cá nhân. Các nhà tài trợ cá nhân đầu tư tài chính vào mục đích công với sự đảm bảo rằng khoản tài trợ của họ sẽ phục vụ kế hoạch phát triển lâu dài của tổ chức. Quỹ tín thác trường ĐH cho phép hiện thực hóa các cam kết trong tương lai vì nó tạo ra các nguồn lực để đáp ứng những yêu cầu sẵn có ở hiện tại (Merton, 1993).

2.2 Vai trò của quỹ tín thác trường đại học

Newman (2005) đã chỉ ra vai trò của quỹ tín thác trường ĐH đối với hai nhóm đối tượng chính, bao gồm: (1) Tổ chức nhận quyên tặng (trường ĐH) và (2) Tổ chức/cá nhân quyên tặng.

2.2.1 Đối với tổ chức nhận quyên tặng (trường đại học)

Có rất nhiều những lợi ích tạo ra từ việc xây dựng và phát triển quỹ tín thác, tiêu biểu như sau:

(1) Tạo ra nguồn thu bền vững cho tổ chức: Nếu như các khoản đóng góp thông thường được sử dụng ngay sau khi nhận, các khoản quyên tặng cho quỹ tín thác được giữ lại và phân bổ để sử dụng trong một khoảng thời gian dài.

Đối với trường ĐH Harvard, các khoản quyên tặng được đem đi đầu tư, phần lớn lợi nhuận được dùng để hỗ trợ các hoạt động của trường, một phần được trích ra cho việc tái đầu tư và phần còn lại được giữ lại để mở rộng quỹ. Như vậy, nguồn tiền từ quỹ tín thác hàng năm đã hỗ trợ rất lớn cho hoạt động của trường. Trong năm 2020, quy mô quỹ tín thác trường ĐH Harvard là 41,9 tỷ USD, trong đó 5,4 tỷ USD được sử dụng cho chi phí vận hành hàng năm của trường, 645 triệu USD được dùng với mục đích hỗ trợ tài chính, học bổng cho sinh viên, 70% nguồn tiền còn lại của quỹ tín thác được phân bổ đến các đơn vị trong trường, cho các chương trình phát triển, và các mục đích khác (Harvard University, 2020).

(2) Củng cố và khẳng định uy tín của tổ chức: Việc quản lý hiệu quả quỹ tín thác sẽ truyền đi thông điệp về sự phát triển bền vững, lâu dài và có kế hoạch cũng như khẳng định năng lực và trách nhiệm tài chính của tổ chức nhận quyên tặng.

(3) Giảm áp lực cho ngân sách hàng năm, tăng tính ổn định và vị thế của tổ chức: Doanh thu của trường ĐH thường biến động hàng năm phụ thuộc vào hai nguồn thu chính, bao gồm: (i) Học phí và (ii) Hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước. Quỹ tín thác giúp trường ĐH duy trì các hoạt động như học bổng, nghiên cứu, giảng dạy, phát triển

nguồn nhân lực và bảo trì cơ sở vật chất. Ngoài ra, quỹ tín thác khi được quản lý tốt sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và tăng tính tự chủ tài chính của trường.

Hầu hết các trường ĐH lâu đời tại Hoa Kỳ đều có quỹ tín thác với số vốn vô cùng lớn, điển hình như ĐH Harvard với 41,9 tỷ USD (Harvard University, 2020), ĐH Stanford với 28,9 tỷ USD (Stanford News, 2020), ĐH Yale với 31,2 tỷ USD (YaleNews, 2020). Sự lớn mạnh của những ngôi trường này đến từ cơ sở vật chất hiện đại bậc nhất thế giới cùng với chế độ đãi ngộ giảng viên và cơ chế ưu đãi cho sinh viên. Trong khi nguồn hỗ trợ của Chính phủ vô cùng ít ỏi, phần lớn các hoạt động kể trên dựa vào nguồn vốn của quỹ tín thác (Newman, 2005).

(5) Tạo điều kiện mở rộng các chương trình phát triển: Nhờ có nguồn tài chính từ quỹ tín thác, các chương trình và kế hoạch phát triển của tổ chức nhận quyền tặng được thực hiện dễ dàng và nhanh chóng (Newman, 2005).

(6) Linh hoạt trong công tác quản lý: Nhờ có nền tảng tài chính vững chắc từ quỹ tín thác, trường ĐH có nhiều lựa chọn khi đối mặt với những thách thức và cơ hội mới. Vì vậy, quỹ tín thác mang đến nguồn thu mới, từ đó gia tăng tổng doanh thu của trường ĐH.

2.2.2 Đối với người quyên tặng

(1) Đóng góp cho sự phát triển dài hạn của tổ chức: Phần lớn lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư được đưa trở lại quỹ tín thác để tái đầu tư. Quá trình này sẽ tiếp diễn liên tục khiến quy mô của quỹ ngày càng lớn, tạo ra nhiều tác động và giá trị lớn hơn cho tổ chức (Newman, 2005).

(2) Giảm áp lực quản lý và đầu tư tài sản: Thông qua quỹ tín thác, người quyên tặng sẽ không còn phải bận tâm đến việc tài sản sẽ được sử dụng với mục đích gì, đầu tư có bị lỗ hay thất thoát hay không mà có thể yên tâm thu hồi khoản lãi hằng năm, dựa trên những cam kết với quỹ mà không mất phí ủy thác đầu tư. Đối với tài sản là bất động sản, khi chủ sở hữu không tìm được người thừa kế hoặc muốn công hiến tài sản cho xã hội hay giáo dục thì quỹ tín thác được coi là sự lựa chọn hợp lý (Newman, 2005).

(3) Tạo ra nguồn thu nhập trọn đời: Một số quỹ tín thác đảm bảo thu nhập cho người quyên tặng suốt đời. Đến khi người quyên tặng qua đời thì số tiền còn lại sẽ thuộc sở hữu của quỹ. Vì vậy, quỹ tín thác mang lại thu nhập ổn định cho người quyên tặng sau khi về hưu hoặc giúp họ thực hiện nghĩa vụ với gia đình (Newman, 2005).

3. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra, nhóm nghiên cứu kết hợp các phương pháp nghiên cứu, bao gồm: (i) Nghiên cứu tài liệu tại bàn; (ii) Thống kê; (iii) Diễn giải và (iv) Quy nạp. Cụ thể, nhóm tác giả tổng hợp các báo cáo, công bố về quỹ tín thác của các trường ĐH trên thế giới và các công trình nghiên cứu về quỹ tín thác ở

Việt Nam. Nhóm tác giả cũng nghiên cứu hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan đến quỹ tín thác và doanh nghiệp trong trường ĐH để từ đó tìm ra hình thức pháp lý phù hợp cho quỹ tín thác trường ĐH.

Tiếp theo, nhóm tác giả áp dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia. Quỹ tín thác trường ĐH là chủ đề mới và pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể và trực tiếp về vấn đề này. Do đó, cần phân tích đặc điểm của quỹ tín thác để tìm ra vị trí phù hợp trong bối cảnh pháp luật của Việt Nam. Nhiệm vụ này yêu cầu chuyên môn sâu về pháp lý nên nhóm tác giả đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp để thu thập ý kiến của 2 luật sư Việt Nam. Hai luật sư được phỏng vấn đã có hơn mười năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trong lĩnh vực doanh nghiệp, đầu tư và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ. Các luật sư đã giúp làm rõ các hình thức pháp lý khả thi dành cho quỹ tín thác trường ĐH ở Việt Nam là quỹ xã hội, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và DNXH dưới dạng công ty cổ phần hoặc công ty TNHH một thành viên, phân tích ưu và nhược điểm của từng hình thức. Kết quả phỏng vấn được trình bày chi tiết trong Bảng 1. Từ ý kiến của các chuyên gia, nhóm tác giả đã phân tích và đưa ra hình thức tối ưu cho Quỹ tín thác trường ĐH ở Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

Theo Văn bản hợp nhất số 42/VBHN/VPQH ngày 10/12/2018 do Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Giáo dục đại học và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, cơ sở giáo dục ĐH có quyền thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Điều 41). Đây là cơ sở và nền tảng để thúc đẩy hoạt động chuyển giao thành tựu nghiên cứu khoa học, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế (Uyen, 2021).

Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (Đại học Quốc gia Hà Nội) là cơ sở giáo dục ĐH tiên phong trong việc thành lập công ty trong nhà trường với Công ty TNHH Khoa học Tự nhiên thành lập năm 2004. Kế đến là Công ty BK-Holdings thuộc ĐH Bách khoa Hà Nội; Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Bách khoa TP.HCM thuộc Trường ĐH Bách khoa TP.HCM năm 2018; bệnh viện ĐH Y Dược thuộc Trường ĐH Y Dược TP.HCM; Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học và Du lịch Văn Khoa thuộc Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia TP.HCM) năm 2019.

Một số trường ĐH thậm chí còn thành lập nhiều công ty, mỗi công ty tập trung vào một lĩnh vực cụ thể. Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM là một trường hợp như vậy. Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM hiện có bốn công ty, lần lượt là Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp thực phẩm (FOODTECH), Công ty dịch vụ Kế toán - Kiểm toán, Công ty Du lịch HUFU Travel, Công ty Dịch vụ Kỹ thuật và Huấn luyện an toàn HUFU. Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM cũng có 10 công ty thuộc Trung tâm ươm tạo doanh nghiệp.

Như vậy, các trường ĐH Việt Nam hoàn toàn có căn cứ pháp lý để thành lập doanh nghiệp. Thực tế chứng minh cho thấy doanh nghiệp trong trường ĐH đang trở thành xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, đối với quỹ tín thác trường ĐH, hiện nay pháp luật Việt Nam chưa có bất cứ một văn bản quy phạm pháp luật nào về việc thành lập cũng như tổ chức hoạt động của quỹ này. Do đó, cần xem xét bản chất của quỹ đặt trong bối cảnh pháp luật hiện hành của Việt Nam để có thể tìm ra cơ sở pháp lý tối ưu nhất cho sự thành lập và phát triển của quỹ này. Thông qua phương pháp phỏng vấn chuyên gia, các tác giả xác định quỹ tín thác trường ĐH có thể được tổ chức dưới dạng: (i) Quỹ xã hội, (ii) Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, hoặc (iii) Doanh nghiệp xã hội. Tiếp đến, các tác giả sẽ trình bày chi tiết về từng hình thức.

4.1 Quỹ tín thác như một quỹ xã hội

Quỹ xã hội được tổ chức với mục đích chính là hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học và các mục đích phát triển cộng đồng, không vì mục đích lợi nhuận (Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện). Từ định nghĩa này, gắn với mục đích hoạt động của trường ĐH, các trường ĐH có thể cân nhắc thành lập quỹ tín thác dưới hình thức của một quỹ xã hội.

Về tư cách pháp nhân: Có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Về tổ chức hoạt động: Theo điều lệ của quỹ.

Về quản lý quỹ: Được tổ chức quản lý như mô hình của quỹ xã hội, trường ĐH là chủ sở hữu quỹ, ban quản lý quỹ vận hành quỹ và do trường ĐH thuê hoặc thành lập, ban quản lý quỹ hoạt động theo định hướng và chỉ đạo của trường ĐH.

Quỹ tín thác trường ĐH đầu tiên ở Việt Nam là Quỹ phát triển ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG TP.HCM) được thành lập dưới dạng quỹ xã hội hoạt động không vì lợi nhuận, trên cơ sở vận động tài trợ và đóng góp tự nguyện của xã hội, các tổ chức và các cá nhân trong và ngoài nước nhằm mục đích hỗ trợ sinh viên, giảng viên của ĐHQG TP.HCM trong học tập, nghiên cứu và phát triển cơ sở vật chất. Từ năm 2009 đến 2019, Quỹ Phát triển ĐHQG TP.HCM đã huy động được gần 200 tỷ đồng tài trợ từ doanh nghiệp và xã hội. Nguồn thu này được sử dụng để phát triển cơ sở vật chất, trao học bổng cho sinh viên và tổ chức hội thảo. Điều này đã chứng minh được vai trò quan trọng của các tổ chức, các đơn vị bên ngoài đối với nguồn lực tài chính cho giáo dục ĐH tại ĐHQG TP.HCM (Phiên An, 2019).

4.2 Quỹ tín thác như một quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

Quỹ tín thác của trường ĐH có thể được thành lập như một quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Khi đó, trường ĐH thành lập công ty quản lý dưới dạng một doanh nghiệp vừa và nhỏ, có tư cách pháp nhân, hoạt động với mục đích quản lý quỹ tín thác, đại diện cho quỹ tín thác trong mọi giao dịch dân sự. Theo đó:

Về tư cách pháp nhân: Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không có tư cách pháp nhân, do tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn để thành lập trên cơ sở điều lệ quỹ. Một điều đáng lưu ý là quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không được góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp khác (Điều 5 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo).

Về tổ chức quản lý của quỹ, có ba mô hình như sau:

- (1) Đại hội nhà đầu tư, công ty thực hiện quản lý quỹ;
- (2) Đại hội nhà đầu tư, hội đồng quản trị hoặc giám đốc quỹ, công ty thực hiện quản lý quỹ;
- (3) Đại hội nhà đầu tư, hội đồng quản trị và giám đốc quỹ, công ty thực hiện quản lý quỹ (Điều 7 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo).

Trong đó, mô hình thứ ba là toàn diện và đầy đủ hơn cả. Sự kết hợp của đại hội nhà đầu tư, hội đồng quản trị, giám đốc quỹ và công ty quản lý quỹ giúp quỹ được quản lý chặt chẽ và đưa ra các quyết định chắc chắn. Đặc biệt, trong cơ cấu tổ chức, công ty quản lý quỹ là thành phần bắt buộc và có trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan đến thông báo thành lập quỹ và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Các công ty đã thành lập muốn hoạt động quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo phải thực hiện thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh với mã ngành nghề 6630 (Hoạt động quản lý quỹ). Hoạt động quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo phải thực hiện theo điều lệ quỹ và các hợp đồng ký kết (nếu có) và không chịu sự điều chỉnh của pháp luật chứng khoán (Điều 7 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo).

Ngay sau khi Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 3 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo có hiệu lực, Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam (Innovation Capital Management - ICM) là công ty đầu tiên được cấp phép hoạt động quản lý đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. Định hướng phát triển của công ty là tập trung nguồn vốn toàn cầu, quản lý quỹ đầu tư, đầu tư trực tiếp cho khởi nghiệp và minh bạch hóa thị trường đầu tư khởi nghiệp. Hiện tại, ICM là đối tác chiến lược của Quỹ Khởi nghiệp Khoa học Công nghệ Việt Nam (Startup Vietnam Foundation), Chương trình Hỗ trợ Doanh nhân Toàn cầu của Thụy Sĩ (Swiss EP) và hơn 13 quỹ đầu tư và hệ sinh thái khởi nghiệp quốc tế (ITP, 2020).

Sự xuất hiện của ICM là một nguồn động lực lớn cho các công ty khởi nghiệp và góp phần thúc đẩy sự lớn mạnh của lĩnh vực này ở Việt Nam. Đồng thời, thông qua các hoạt động về quỹ của công ty, các tổ chức đi sau có thể rút ra những bài học thành công và kinh nghiệm cho tổ chức cho mình.

4.3 Quỹ tín thác như một doanh nghiệp xã hội có hình thức pháp lý là công ty cổ phần

Quỹ tín thác có thể được thành lập dưới dạng một DNXH hoạt động dưới hình thức pháp lý của công ty cổ phần. Công ty thực hiện hoạt động quản lý đầu tư vốn góp và không vì mục tiêu lợi nhuận. Trong trường hợp này, quy trình thành lập công ty tuân theo quy định thành lập công ty cổ phần trong Luật Doanh nghiệp 2020 (Luật số 59/2020/QH14), cụ thể:

Về tư cách pháp nhân: Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân đầy đủ kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Chủ sở hữu công ty cổ phần và công ty cổ phần là hai thực thể pháp lý riêng biệt (Điều 110 Luật Doanh nghiệp 2020).

Về vốn điều lệ: Vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký thành lập là tổng giá trị các loại cổ phần đã được đăng ký mua và được ghi trong điều lệ công ty (Điều 112 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.4 Quỹ tín thác như một doanh nghiệp xã hội có hình thức pháp lý là Công ty TNHH một thành viên

Bên cạnh hình thức công ty cổ phần, quỹ tín thác còn được thành lập với tư cách là công ty TNHH một thành viên thực hiện hoạt động đầu tư, không vì mục tiêu lợi nhuận.

Về tư cách pháp nhân: Công ty TNHH một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty. Công ty TNHH một thành viên có tư cách pháp nhân đầy đủ giống như công ty cổ phần kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty TNHH một thành viên không được quyền phát hành cổ phần (Điều 74 Luật Doanh nghiệp 2020).

Về vốn điều lệ: Vốn điều lệ của công ty TNHH một thành viên tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong điều lệ công ty. Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ (Điều 75 Luật Doanh nghiệp 2020).

Bảng dưới đây sẽ so sánh ba hình thức pháp lý kể trên dựa trên cơ sở phân tích tư cách pháp nhân, nguồn vốn góp, nguồn thu, thủ tục thành lập, ưu và nhược điểm của mỗi hình thức nói trên.

Bảng 1. So sánh quỹ xã hội, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp xã hội

	Doanh nghiệp xã hội	
	Công ty cổ phần	Công ty TNHH một thành viên
Tiêu chí	Quỹ xã hội	Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
Định nghĩa	<p>Quỹ có mục đích chính là hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học và các mục đích phát triển cộng đồng khác, không vì mục đích lợi nhuận (Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP).</p>	<p>Quỹ được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để thực hiện đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 38/2018/NĐ-CP).</p>
Tư cách pháp nhân	<p>Có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng</p>	<p>Không có tư cách pháp nhân, mọi hoạt động sẽ được thông qua đại diện là công ty quản lý quỹ</p>
Nguồn vốn góp	<p>Đến từ tài sản đóng góp của các cá nhân, tổ chức với số lượng người đóng góp không giới hạn;</p> <p>Tài sản bao gồm: hiện vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản;</p> <p>Hình thức: hợp đồng ủy quyền, hiến tặng, di chúc của người để lại tài sản hoặc các hình thức khác góp vào quỹ.</p>	<p>Đến từ nguồn vốn góp của tôi</p> <p>Đến từ tổng giá trị tài sản thiếu 3 cổ đông, bao gồm góp tài sản để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập;</p> <p>Tài sản gồm: tiền, vàng, quyền sử dụng đất và các tài sản khác có thể định giá;</p> <p>Hình thức từ việc đi vay: vay ngân hàng, vay ngân hàng, vay của các tổ chức, cá nhân khác hoặc vay bằng cách phát hành trái phiếu.</p>

Bảng 1. So sánh quỹ xã hội, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp xã hội (tiếp theo)

	Doanh nghiệp xã hội	
	Quỹ xã hội	Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
Tiêu chí	Quỹ xã hội	Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
		Công ty cổ phần
		Công ty TNHH một thành viên
Nguồn thu	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cung cấp dịch vụ; - Đóng góp tự nguyện, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; - Ngân sách Nhà nước cấp; - Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu Chính phủ; - Các khoản thu hợp pháp khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận kinh doanh; - Tài trợ của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác trong và ngoài nước.
Thủ tục thành lập	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ tại Sở Nội vụ, Bộ Nội vụ; - Thời hạn giải quyết lên đến 40 ngày làm việc và thêm khoảng 30 ngày để thực hiện công bố quỹ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ lên Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Thời gian cấp giấy phép đăng ký kinh doanh là sau 3-5 ngày. Sau đó, công ty có 30 ngày để đăng bố cáo trên cổng thông tin quốc gia. Công ty được hỗ trợ trong 30 ngày về vấn đề cấp giấy phép, chứng chỉ và các chứng nhận liên quan; - Khi nộp hồ sơ, doanh nghiệp cần có phương án kinh doanh và cam kết đầu tư thực hiện mục tiêu xã hội.
Ưu điểm	<p>Nhận được nhiều hỗ trợ và ưu đãi từ nhà nước như: được ưu tiên nhận các dự án của chính phủ, tiền lãi, tiền gửi trái phiếu Chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tạo vốn góp nhanh và tăng vốn góp linh hoạt; - Thủ tục thành lập đơn giản; - Linh hoạt trong các hoạt động đầu tư; - Có nhiều tự do trong quá trình hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ các ưu điểm của một công ty cổ phần: - Dễ huy động vốn; - Không hạn chế lĩnh vực đầu tư; - Dễ mở rộng mô hình kinh doanh; - Chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các nghĩa vụ tài chính; - Chuyển nhượng dễ dàng trong nội bộ công ty.

Bảng 1. So sánh quỹ xã hội, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp xã hội (tiếp theo)

Tiêu chí	Quỹ xã hội	Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp xã hội	Công ty TNHH một thành viên
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Không được phân chia lợi nhuận, tạo ra sự e dè cho nhà đầu tư; - Thủ tục thành lập phức tạp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng nhà đầu tư ban đầu bị giới hạn (tối đa 30), gây khó khăn trong việc huy động vốn; - Lĩnh vực hoạt động theo quy định quá hẹp so với hoạt động và phát triển của quỹ tín thác; - Không có tư cách pháp nhân. 	<p>Bên cạnh đó, doanh nghiệp xã hội có những lợi thế riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nguồn vốn đầu tư đa dạng: vốn đầu tư thương mại thông thường, vốn ưu đãi dưới dạng vay dài lãi suất thấp, vốn cổ tức xã hội, vốn tài trợ không hoàn lại; - Nhận được nhiều ưu đãi về thuế; - Nhận được nhiều sự quan tâm, hỗ trợ của Chính phủ; - Nhận được cái nhìn thiện cảm từ phía xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hoạt động doanh nghiệp thường niên; - Khó quản lý cổ đông; - Cổ đông phải đóng thuế thu nhập cá nhân bắt buộc là 0,1% khi chuyển nhượng; - Bộ máy quản lý công kênh.
Nhược điểm			<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng nhà đầu tư ban đầu bị giới hạn (tối đa 30), gây khó khăn trong việc huy động vốn; - Lĩnh vực hoạt động theo quy định quá hẹp so với hoạt động và phát triển của quỹ tín thác; - Không có tư cách pháp nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ công ty chỉ được tăng, không được giảm; - Không có quyền phát hành cổ phiếu.

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp từ kết quả phỏng vấn chuyên gia và nghiên cứu Luật Doanh nghiệp

Trong ba hình thức trên thì quỹ tín thác dưới dạng một DNXH với hình thức pháp lý là công ty cổ phần hoặc công ty TNHH một thành viên là phương án tối ưu nhờ những ưu điểm vượt trội về tính độc lập cũng như khả năng mở rộng lĩnh vực trong tương lai. Các mô hình này có thể khắc phục nhược điểm của quỹ xã hội (hoàn toàn không được phân chia lợi nhuận) và nhược điểm của quỹ khởi nghiệp sáng tạo (hạn chế về số lượng người góp vốn và lĩnh vực hoạt động), cụ thể như sau:

(1) Với loại hình DNXH, quỹ có thể vừa thực hiện đầu tư vừa nhận các khoản quyên tặng, tài trợ đến từ các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước.

(2) Mô hình này cho phép quỹ có nhiều sự chủ động trong việc thu chi ngân sách.

(3) Công ty TNHH một thành viên có thủ tục thành lập dễ dàng, bộ máy quản lý gọn gàng và dễ kiểm soát.

Khi DNXH là đơn vị trực thuộc trường ĐH, có nhiệm vụ huy động tiền quyên góp vào quỹ, thông qua hoạt động kinh doanh tạo ra lợi nhuận và phân bổ lợi nhuận lại cho trường và quỹ. Với hình thức công ty cổ phần, DNXH mới thành lập cần có ít nhất ba cổ đông sáng lập. Trường ĐH là một trong các cổ đông sáng lập, góp vốn từ 50% bằng tiền hoặc sở hữu trí tuệ. Các cổ đông khác (cá nhân hoặc tổ chức) góp vốn không quá 50%. Nếu DNXH được thành lập dưới hình thức là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì trường ĐH góp 100% vốn điều lệ của công ty.

Các nhóm đối tượng đóng góp tiền cho quỹ:

(1) Người đóng góp: là những cá nhân, tổ chức thực hiện đóng góp các khoản tài sản, hiện vật có giá trị vào Quỹ và không yêu cầu bất cứ quyền lợi gì, gần giống các khoản từ thiện. Tùy vào mức độ đóng góp, các nhà tài trợ sẽ nhận được sự vinh danh từ phía Quỹ và trường dưới nhiều hình thức như đặt tên cho một quỹ nhỏ, làm đại sứ cho Quỹ tại các sự kiện lớn.

(2) Nhà tài trợ thương mại: là những cá nhân, tổ chức cung cấp tài nguyên dưới dạng tiền hoặc hiện vật để đổi lấy những lợi ích thương mại như truyền thông, quảng bá hình ảnh doanh nghiệp.

(3) Nhà đầu tư: là những cá nhân, tổ chức đóng góp tiền, tài sản vào Quỹ để cùng đầu tư các dự án tiềm năng với Quỹ và thu hồi lợi nhuận dựa trên các khoản đóng góp. Quỹ sẽ thực hiện thu phí dịch vụ với những nhà đầu tư này.

Bên cạnh hình thức pháp lý của Quỹ, cần lưu ý rằng điều cốt lõi khi gây quỹ là chia sẻ tầm nhìn của nhà trường, làm cho xã hội hiểu rõ và trân trọng những giá trị của nhà trường cũng như những đóng góp của nhà trường cho xã hội. Điểm trọng yếu tạo hiệu quả lâu dài cho quỹ tín thác là quan hệ và uy tín, những điều cần được xây dựng và nuôi dưỡng qua thời gian. Để làm được việc đó, hội đồng gây quỹ cần kiên trì xây dựng mạng lưới cựu sinh viên, thông qua việc xây dựng các kênh thông tin và truyền thông, xuất bản ấn phẩm, tổ chức sự kiện xã hội để từ đó duy trì mối quan hệ, nắm bắt, thấu hiểu và đồng hành cùng những kế hoạch của nhà trường.

5. Kết luận

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã cân nhắc bản chất của quỹ tín thác trường ĐH và cơ sở pháp lý để thành lập quỹ tín thác trường ĐH ở Việt Nam. Theo đó, quỹ tín thác trường ĐH ở Việt Nam có thể được thành lập dưới dạng quỹ xã hội, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo và DNXH (công ty cổ phần hoặc công ty TNHH một thành viên). Qua phân tích ba hình thức pháp lý dành cho quỹ tín thác trường ĐH ở Việt Nam, nhóm tác giả đề xuất DNXH dưới dạng công ty cổ phần hoặc công ty TNHH một thành viên là hình thức tối ưu. Hình thức này khắc phục được nhược điểm của quỹ xã hội và nhược điểm của quỹ khởi nghiệp sáng tạo. Do đó, hình thức này cho phép quỹ có khả năng tự chủ về thu chi. Nhóm tác giả đã có một số đề xuất ban đầu về cổ đông/thành viên công ty, các nhóm đối tượng đóng góp vào quỹ và vai trò của trường ĐH trong cấu trúc của quỹ.

Tìm ra cơ sở pháp lý là nền tảng cho các nghiên cứu về sau cũng như cho sự phát triển của quỹ tín thác trường ĐH ở Việt Nam. Tuy nhiên, cần có nhiều sự đóng góp nghiên cứu của các nhà khoa học trong tương lai để đưa ra mô hình áp dụng cụ thể hơn cho các trường ĐH ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- American Council on Education. (2014), “Understand college and university endowments”, <https://www.acenet.edu/Documents/Understanding-Endowments-White-Paper.pdf>, truy cập ngày 23/10/2020.
- Chính phủ. (2012), “Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ ban hành về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=157435, truy cập ngày 25/02/2020.
- Chính phủ. (2018), “Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=193165, truy cập ngày 25/05/2020.
- Chính phủ. (2018), “Văn bản hợp nhất số 42/VBHN/VPQH ngày 10/12/2018 do Văn phòng Quốc hội ban hành hợp nhất Luật Giáo dục đại học”, <http://congbao.chinhphu.vn/loi-dung-van-ban-so-42-vbhn-vpqh-28198?cbid=25398>, truy cập ngày 25/05/2020.
- Chính phủ. (2019), “Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=198740, truy cập ngày 25/05/2020.
- Chính phủ. (2020), “Luật số 59/2020/QH14 của Quốc hội: Luật Doanh nghiệp”, http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=200447, truy cập ngày 25/02/2020.
- Drezner, N.D. (2011), “Philanthropy and Fundraising in American Higher Education”, *Association for the Study of Higher Education*, Vol. 37 No. 2, pp. 1 - 155.

- Hansmann, H. (1990), “Why do universities have endowments?”, *The Journal of Legal Studies*, Vol. 19 No. 1, pp. 3 - 42.
- Harvard University. (2020), “Endowment”, <https://www.harvard.edu/about-harvard/endowment/>, truy cập ngày 15/12/2020.
- ITP. (2020), “Innovation Capital Management - ICM”, <https://itp.vn/vi/quy-dau-tu/1552-innovation-capital-management-a-icm.html>, truy cập ngày 25/04/2020.
- Lê, Q.H. (2010), *Xây dựng quỹ đầu tư tín thác bất động sản tại Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê, T.P.T. (2008), *Xây dựng quỹ tín thác đầu tư bất động sản tại TP. Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Lê, T.T.H. & Hồ, N.L. (2020), “University Endowment Funds in the United States and the Application in Vietnam”, *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies*, Vol. 36 No. 4, pp. 48 - 67.
- Merton, R.C. (1993), “Optimal investment strategies for university endowment funds”, In Clotfelter, C.T. & Rothschild, M. (Eds), *Studies of Supply and Demand in Higher Education*, University of Chicago Press, pp. 211 - 242.
- Moore, J.D. (2017), *A Study of University Endowments: Size, Performance, and Allocation*, Bachelor thesis in Business Administration, Ohio University.
- Newman, D.S. (2005), *Nonprofit essentials: endowment building*, John Wiley & Sons Inc.
- Nhóm đối thoại giáo dục. (2015), “Tổng kết nghiên cứu về phương hướng cải cách đại học ở Việt Nam (Kỳ I) (2015)”, *Tia sáng*, <https://tiasang.com.vn/-giuc/tong-ket-nghien-cuu-ve-phuong-huong-cai-cach-dai-hoc-o-viet-nam-ky-i-8731>, truy cập ngày 19/02/2020.
- Phạm, T.L. (2014), “Xây dựng truyền thống hiến tặng cho đại học: kinh nghiệm của Hong Kong University”, *Đại học Đại Nam*, <http://dainam.edu.vn/vi/vien-sau-dai-hoc/cong-dong-cuu-hoc-vien/xay-dung-truyen-thong-hien-tang-cho-dh-kinh-nghiem-cua-hong-kong-university>, truy cập ngày 23/09/2020.
- Phiên An. (2019), “Quỹ Phát triển ĐHQG-HCM: Mô hình tài chính giáo dục kiểu mẫu”, https://vnuhcm.edu.vn/tin-tuc_32346864/quy-phat-trien-dhqg-hcm-mo-hinh-tai-chinh-giao-duc-kieu-mau/323131336864.html, truy cập ngày 18/02/2020.
- Staff, M.W. (2004), *Merriam-Webster's collegiate dictionary*, Merriam-Webster.
- Stanford News. (2020), “Stanford releases annual financial results for investment return, endowment”, <https://news.stanford.edu/2020/10/22/stanford-releases-annual-financial-results-investment-return-endowment-2/#:~:text=The%20value%20of%20the%20university's,close%20of%20Stanford's%20fiscal%20year>, truy cập ngày 26/12/2020.
- Uyen, T.T. (2021), “A study of the factors affecting the willingness to engage in business-university cooperation”, *Journal of International Economics and Management*, Vol. 21 No. 1, pp. 108 - 122.
- YaleNews. (2020), “Investment return of 6.8% brings Yale endowment value to \$31.2 billion”, <https://news.yale.edu/2020/09/24/investment-return-68-brings-yale-endowment-value-312-billion>, truy cập ngày 26/02/2020.
- Yeager, J.L., Nelson, G., Potter, E., Weidman, J. & Zullo, T. (2001), *ASHE reader on finance in higher education (2nd ed.)*, MA: Pearson, Boston.